

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 697/2025/DS-PT
Ngày: 09/12/2025.
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng góp*
hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Thu

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phạm Văn Hùng

2/ Bà Võ Bích Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 779/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Đ, xã A, thành phố Cần Thơ; *Có mặt.*

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Đ, xã A, thành phố Cần Thơ; *Có mặt.*

* *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2024 và quá giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H (nguyên đơn) có tham gia hụi do bà Nguyễn Thị Hồng N (bị đơn) làm chủ hụi, với 02 dây hụi như sau:

- Dây hụi 1: Hụi 2.000.000 đồng, hụi khai ngày 20/04/2022 âm lịch, có 32 người tham gia, hụi đã khai đến kỳ 24 thì bà Nguyễn Thị Hồng N tuyên bố bế hụi và

bỏ địa phương đi Bình Dương. Như vậy, bà N thiếu bà H tiền hội là 2.000.000 đồng x 24 kỳ = 48.000.000 đồng.

- Dây hội 2: Hội 2.000.000 đồng, hội khai ngày 04/08/2023 âm lịch, có 27 người tham gia, hội đã khai đến kỳ thứ 7 thì bà N tuyên bố bỏ hội và bỏ địa phương đi Bình Dương. Như vậy, bà N thiếu bà H tiền hội là 2.000.000 đồng x 7 kỳ = 14.000.000 đồng.

Cạnh đó, bà N còn bán cho bà H 01 dây hội 2.000.000 đồng có 32 tham gia, tổng số tiền là 64.000.000 đồng.

Nên tổng số tiền hội mà bà Nguyễn Thị Hồng N thiếu bà H là 126.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 28/11/2024 bà N có chuyển cho bà H 10.000.000 đồng và ngày 19/01/2025 tiếp tục chuyển 3.000.000 đồng.

Trên cơ sở đó, nguyên đơn *khởi kiện* yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải có trách nhiệm trả cho bà H với tổng số tiền 113.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với khoản nợ trên (kể từ ngày làm đơn khởi kiện đến ngày xét xử vụ án, theo lãi suất quy định của pháp luật).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hội còn nợ là 91.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

* *Quá trình tố tụng*, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng N thừa nhận có nợ bà Nguyễn Thị H tiền hội cộng chung là 104.000.000 đồng, nhưng bà N đã trả được 13.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ 91.000.000 đồng. Nay bà N cũng đồng ý trả cho bà H 91.000.000 đồng nhưng xin trả dần bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000 đồng đến khi xong nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hội còn nợ là 91.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả tiền, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 08/9/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu cấp phúc thẩm “Sửa án sơ thẩm” theo hướng chấp nhận cho bị đơn trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi thực hiện xong số tiền hội 91.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ và tình tiết, dữ kiện liên quan thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử “Giữ nguyên bản án sơ thẩm”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

[2] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N thanh toán số tiền nợ hui theo Hợp đồng góp hui mà các bên đã giao kết thực hiện. Trong đó: bị đơn cư trú tại địa giới hành chính nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật là có căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không kháng cáo. *Riêng*, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N cho rằng: Do điều kiện kinh tế hiện nay khó khăn, không có khả năng thanh toán cho nguyên đơn một lần nên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm “Sửa án sơ thẩm” theo hướng chấp nhận cho bị đơn trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi thực hiện xong số tiền hui 91.000.000 đồng.

[4] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, yêu cầu của đương sự và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chỉ xem xét phần có kháng cáo theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét kháng cáo của đương sự:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hui là 91.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, bị đơn còn nợ tiền theo giao dịch hui mà các bên thống nhất giao kết thực hiện thì có nghĩa vụ giao trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5.2] Việc bị đơn yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi thực hiện xong số tiền hội 91.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn không thống nhất phương án bị đơn nêu ra nên không có cơ sở xem xét thỏa mãn mong muốn của bị đơn. Hơn nữa, vấn đề này thuộc phạm vi thi hành bản án nên trường hợp có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn đề đạt tại giai đoạn thi hành án để được xem xét giải quyết theo quy định chung.

Như vậy, được xem như bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành và đảm bảo giá trị pháp lý ràng buộc nên không xem xét.

[8] Từ những phân tích trên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N về việc ghi nhận nghĩa vụ trả dần tại thời điểm xét xử.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ.

Áp dụng:

- Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N có trách nhiệm giao trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hội còn nợ là 91.000.000 đồng (*Chín mươi một triệu đồng*).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí phúc thẩm.

Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002911 ngày 08/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí phải chịu (đã thực hiện xong).

3. Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên thi hành theo phần quyết định của bản án sơ thẩm.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 9 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 9 - Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Thư

